

## QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU CHUYÊN MÔN DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2017

Kèm theo Quyết định số: 3320/QĐ-ĐHKBK-ĐTSDH ngày 05 tháng 12 năm 2016  
của Hiệu Trưởng Trường Đại Học Bách Khoa

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự thi cao học phải bổ túc kiến thức hoặc chuyển đổi ngành để đủ trình độ dự thi cao học theo đúng quy định của từng ngành như sau:

### I- KHOA CƠ KHÍ

#### 1- KỸ THUẬT CƠ KHÍ (60520103):

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ Chế tạo máy, Kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Nhiệt, Kỹ thuật ô-tô máy động lực, Cơ kỹ thuật, ...
- **Ngành gần:** Tất cả các ngành kỹ thuật, công nghệ. Hội đồng ngành sẽ xem xét và quyết định về điều kiện dự thi cho từng trường hợp cụ thể.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

#### 2- KỸ THUẬT NHIỆT (60520115):

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật nhiệt
- **Ngành gần:** Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ – điện tử, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật hóa học, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

#### 3- KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (60520117):

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, hoặc Quản lý công nghiệp các trường thuộc hệ thống Đại học Quốc gia TpHCM.
- **Ngành gần:** Tốt nghiệp đại học ở tất cả các ngành nghề khác thuộc Khối A, Khối A1, Khối B và Khối D phải học các môn bổ túc kiến thức sau:

TT	MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC	SỐ TIẾT
1	Quản lý sản xuất	60
2	Kinh tế kỹ thuật	45

- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

#### ***4- KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (60520114):***

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật Cơ điện tử
- **Ngành gần:** Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật điện-điện tử, Cơ kỹ thuật
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **II- KHOA CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU**

#### ***1- KỸ THUẬT VẬT LIỆU (60520309):***

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật Vật liệu, Kỹ thuật Vật liệu Kim loại, Công nghệ Vật liệu.
- **Ngành gần:** Sinh viên tốt nghiệp đại học các ngành kỹ thuật và công nghệ khác.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **III- KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÁY TÍNH**

#### ***1- KHOA HỌC MÁY TÍNH (60480101):***

- **Ngành đúng:** Khoa học máy tính
- **Ngành gần:** Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy tính (thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông).
- **Ngành Khác:** Các ngành thuộc nhóm Kỹ thuật và Khoa học hoặc có tên tương tự khác. Hội đồng ngành sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể dựa trên mức độ tương đồng của chương trình đào tạo.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** (có thể rút xuống 1,5 năm đối với các học viên đã hoàn tất một số môn tương đương trong chương trình đào tạo ở hệ đại học: do Hội đồng ngành quyết định đối với từng trường hợp cụ thể).

#### ***2- HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (60340405):***

- **Ngành đúng:** Hệ thống Thông tin, Hệ thống thông tin quản lý
- **Ngành gần:** Tốt nghiệp đại học chính quy ngành Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Truyền thông và mạng máy tính, Công nghệ thông tin.
- **Ngành Khác:** Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý

- Tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần và ngành khác phải học các môn bổ túc kiến thức sau (Hội đồng ngành quyết định miễn đối với từng trường hợp đã hoàn tất các môn học này ở bậc đại học).

TT	MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC	SỐ TIẾT
1	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	45
2	Nhập môn cơ sở dữ liệu	45
3	Quản trị đại cương	45

- **Chương trình đào tạo:** 2 năm đối với các ngành đúng, ngành gần và ngành khác.

#### IV- KHOA KỸ THUẬT HÓA HỌC

##### 1- KỸ THUẬT HÓA HỌC (60520301):

- **Ngành đúng:** Công nghệ Hóa học, Kỹ thuật Hóa học.
- **Ngành gần:** Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Vật liệu, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Môi trường, Hóa học, Sinh học tại tất cả các trường đại học khối kỹ thuật hoặc khoa học tự nhiên và ngành dược thuộc các trường đại học Y-Dược
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

##### 2- CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (60540101):

- **Ngành đúng:** Khoa học và công nghệ thực phẩm, Công nghệ thực phẩm
- **Ngành gần:** Công Nghệ Sau Thu Hoạch, Công Nghệ Chế Biến Thủy Sản, Công Nghệ/ Kỹ Thuật Hóa Học, Công Nghệ Sinh Học, Hóa sinh, Vi sinh.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

##### 3- CÔNG NGHỆ SINH HỌC (60420201):

- **Ngành đúng:** Công nghệ sinh học.
- **Ngành gần:** Y Dược, Sinh học, Nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản), Môi trường, Kỹ thuật Hóa học, Công nghệ Thực phẩm.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

##### 4- KỸ THUẬT HÓA DẦU (60520330):

- **Ngành đúng:** Công nghệ hoá học, Kỹ thuật Hoá dầu, Hoá dầu, Công nghệ lọc và hoá dầu
- **Ngành gần:** Công nghệ Vật liệu, Khoa học Vật liệu, Môi trường, Hóa học
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **V- KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG**

### **1- VẬT LÝ KỸ THUẬT (60520401):**

- **Ngành đúng:** Ngành Vật lý, ngành Điện – Điện tử, Điện tử - Viễn thông, Cơ khí, Vật lý kỹ thuật, Cơ kỹ thuật, Cơ Điện tử, Kỹ thuật và Khoa học Vật liệu, Sinh học ứng dụng (khối A).
- **Ngành gần:** Ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ hóa học, các ngành Y Dược khối B (Y đa khoa, Y học cổ truyền, Dịch vụ y tế, Dược học, Điều dưỡng, Quản lý bệnh viện), Thú Y, Các ngành Sinh học khối B (Sinh học, Sinh học ứng dụng), Kỹ thuật môi trường.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **2- TOÁN ỨNG DỤNG (60460112):**

- **Ngành đúng:** Toán, Toán – Tin, Toán ứng dụng
- **Ngành gần:** Vật lý, Điện tử - Viễn thông, Cơ khí, Cơ kỹ thuật, Cơ Điện tử, Khoa học Vật liệu, Công nghệ Sinh học (khối A) – các trường ĐH Bách khoa, ĐH Kỹ thuật, ĐH Khoa học tự nhiên, ĐH Sư phạm, ĐH Sư phạm kỹ thuật).
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **3- CƠ KỸ THUẬT (60520101):**

- **Ngành đúng:**
  - + Các ngành kỹ thuật: Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật dệt, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật mỏ.
  - + Các ngành công nghệ kỹ thuật: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật nhiệt.
  - + Các ngành công nghệ kỹ thuật: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng, Công nghệ chế biến lâm sản, Công thôn,...
- **Ngành gần:** Toán cơ, Vật lý kỹ thuật và xét riêng từng trường hợp các ngành gần khác.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **3- KHOA HỌC TÍNH TOÁN (60460136):**

**- Ngành đúng:**

- + Đối với ngành KHTT định hướng Vật lý tính toán bao gồm: Khoa học tính toán (hay Khoa học & Kỹ thuật tính toán), Vật lý tính toán, Hóa-Lý tính toán, Hóa tính toán, Toán tính toán (hay Toán Ứng dụng tính toán), Lý-Hóa tính toán, Khoa học Vật liệu tính toán.
- + Đối với ngành KHTT định hướng Cơ học tính toán bao gồm: Khoa học tính toán (hay Khoa học và Kỹ thuật tính toán), Cơ học tính toán, Vật lý tính toán, Toán tính toán (hay Toán Ứng dụng tính toán), Động học chất lưu tính toán, Khoa học Vật liệu tính toán.

**- Ngành gần:**

- + Ngành KHTT định hướng Vật lý tính toán bao gồm:
  - ✓ Tất cả các ngành thuộc lĩnh vực Vật lý của Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Sư Phạm, Đại học Bách Khoa hoặc các ngành Vật lý Kỹ thuật.
  - ✓ Các ngành Toán, toán ứng dụng, công nghệ thông tin (hoặc Khoa học và kỹ thuật máy tính).
  - ✓ Các ngành Khoa học Vật liệu, Khoa học-Kỹ thuật Vật liệu.
  - ✓ Các ngành thuộc lĩnh vực Hóa-Lý, Lý-Hóa, Lý-Sinh.
  - ✓ Các ngành thuộc lĩnh vực Hóa học của ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Sư Phạm.
- + Những ngành gần với ngành KHTT định hướng Cơ học tính toán bao gồm:
  - ✓ Các ngành Toán học, Toán-Tin học, Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin (hoặc Khoa học và kỹ thuật máy tính), Cơ học, Cơ điện tử, Cơ sinh học, Vật lý, Vật lý Kỹ thuật, Cơ khí chế tạo máy.
  - ✓ Các ngành Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Điện-Điện tử, Khoa học vật liệu, thủy lợi, thủy văn, tài nguyên môi trường, Kỹ thuật hoá học.

## **VI- KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

### **1- Nhóm ngành: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM (60580204); ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG (60 58 02 11):**

- **Ngành đúng:** Tốt nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường, cảng-biển, thủy lợi và vật liệu xây dựng.
- **Ngành gần:** Tốt nghiệp ngành Địa kỹ thuật, Mỏ địa chất.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **2- KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (60580208):**

- **Ngành đúng:** Tốt nghiệp đại học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- **Ngành gần:** Tốt nghiệp đại học ngành Kỹ thuật Xây dựng Cầu đường, Kỹ thuật Tài nguyên nước, Kỹ thuật Xây dựng Cảng - Công trình biển và Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **3- Nhóm ngành: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY (60580202); KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (60580212):**

- **Ngành đúng:** Thủy lợi-Thủy điện & Cấp thoát nước, Cảng - Công trình biển; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy; Xây dựng Công trình thủy
- **Ngành gần:** Kỹ thuật Công trình, Cơ học, Môi trường, Khí tượng - Thủy văn, Hải dương; Xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng Cầu Đường.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **4- KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (60580205):**

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Xây dựng Cầu hầm, Xây dựng đường ô tô và đường thành phố
- **Ngành gần:**
  - + Các ngành thuộc nhóm ngành Xây dựng;
  - + Xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng Công trình Biển, Địa Kỹ thuật Xây dựng;
  - + Xây dựng công trình thủy; Quy hoạch và Quản lý Giao thông, Kỹ thuật Giao thông; Kỹ thuật Công trình, Cơ học kỹ thuật.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **5- BẢN ĐỒ, VIỄN THÁM VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (60440214):**

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa.
- **Ngành gần:** Địa lý học, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (trừ mã ngành: 52520503), Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm soát và bảo vệ môi trường, Quản lý đất đai
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm và ngành gần.

## **6- KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ (60520503):**

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ
- **Ngành gần:** Bản đồ học, Quản lý đất đai, Kỹ thuật địa vật lý, Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **7- QUẢN LÝ XÂY DỰNG (60580302):**

- **Ngành đúng:** Quản lý xây dựng; Kinh tế xây dựng
- **Ngành gần:** Xây dựng dân dụng và công nghiệp (tên mới là Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp), Xây dựng cầu, hầm (tên mới là Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông), Xây dựng đường ô tô và đường thành phố (tên mới là Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông), Xây dựng công trình thủy (tên mới là Kỹ thuật xây dựng công trình thủy), Xây dựng công trình biển (tên mới là Kỹ thuật tài nguyên nước), Cấp thoát nước (tên mới là Kỹ thuật tài nguyên nước), Địa kỹ thuật xây dựng (tên mới là Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm), Vật liệu và công nghệ vật liệu xây dựng (tên mới là Kỹ thuật vật liệu), Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Kiến trúc cảnh quan. Những ngành liên quan đến kiến trúc và xây dựng mà không có tên trong danh sách liệt kê bên trên sẽ được xem xét cụ thể từng trường hợp.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần. Nếu trong chương trình đào tạo đại học đã học một số môn trong **khối kiến thức bổ sung** với số tín chỉ **lớn hơn hoặc bằng** số tín chỉ trong khối kiến thức bổ sung thì môn đó được **miễn**.

## **8 - KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH BIỂN (60580203):**

- **Ngành đúng:** Các ngành trong **Nhóm ngành Xây Dựng (52 58 02 xx)** và các ngành hoặc chuyên ngành có tên cũ tương đương như: Xây dựng Cảng – Công Trình Biển; Cảng – Đường thủy; Công Trình Thủy; Thủy lợi tổng hợp; Thủy lợi-Thủy điện & Cấp thoát nước; Thủy công; Giao thông; Cầu Đường; Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp;...
- **Ngành gần:**
  - + Các ngành trong Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật (CNKT) kiến trúc và công trình xây dựng (52 51 01 xx) bao gồm các ngành như CNKT xây dựng; CNKT giao thông, CNKT vật liệu xây dựng, ...
  - + Ngành Kỹ thuật biển (52 52 05 04).
  - + Các ngành trong Nhóm ngành Quản lý xây dựng (52 58 03 xx)
  - + Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (52 85 01 01)
  - + Ngành Cơ kỹ thuật (52 52 01 01)
  - + Ngành Toán cơ (52 46 01 15)

- + Các ngành Khí tượng học(52 44 02 21); Thủy văn(52 44 02 24); Hải dương học(52 44 02 28)

## **VII- KHOA MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN**

### ***1- KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (60520320):***

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật Môi trường; Công nghệ Môi trường
- **Ngành gần:** Kỹ thuật hóa học, công nghệ sinh học, cấp thoát nước, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, kỹ thuật tài nguyên nước.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### ***2- QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (60850101):***

- **Ngành đúng:** Quản lý tài nguyên & môi trường; Công nghệ & Quản lý Môi trường.
- **Ngành gần:** Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học môi trường; Môi trường đất & nước; Môi trường không khí; Địa lý tài nguyên & môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Hải dương học; Thủy văn học; Hóa môi trường;...
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### ***2- CHÍNH SÁCH CÔNG (60340402):***

- **Ngành đúng:** Chính sách công, Quản lý tài nguyên & môi trường; Công nghệ & Quản lý Môi trường.
- **Ngành gần:** Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học môi trường; Môi trường đất & nước; Môi trường không khí; Địa lý tài nguyên & môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Hải dương học; Thủy văn học; Hóa môi trường, Kinh doanh, Kinh tế, Quản trị và Quản lý, ...
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **VIII- KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**

### ***1- KỸ THUẬT ĐIỆN (60520202):***

- **Ngành đúng:** Ngành Kỹ Thuật Điện, chương trình Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV), ngành Hệ Thống Năng Lượng.
- **Ngành gần:** Hệ không chính quy ngành Kỹ Thuật Điện, hệ chính quy ngành Tự động hoá, Điện tử - Viễn thông, hoặc các ngành có liên quan đến Kỹ Thuật Điện do Hội đồng ngành quyết định.



- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần. Nếu học viên đã có chứng chỉ môn học ở bậc đại học giống môn học nào ở phần kiến thức bổ sung thì môn học đó sẽ có thể xem xét được miễn.

## **2- KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ (60520203):**

- **Ngành đúng:** Sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính quy ngành Điện Tử - Viễn Thông.
- **Ngành gần:** Sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ không chính quy ngành Điện Tử, sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính quy ngành Vật Lý Điện Tử, Vật Lý Y Sinh, hoặc các ngành có liên quan đến Điện Tử do Bộ môn quản lý chuyên ngành quyết định.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **3- KỸ THUẬT VIỄN THÔNG (60520208):**

- **Ngành đúng:** Ngành Kỹ thuật Điện Tử - Viễn Thông hệ chính qui, chương trình Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) ngành Viễn Thông
- **Ngành gần:** Ngành Vật Lý Điện Tử, Vật Lý Y Sinh, hoặc các ngành có liên quan đến Điện Tử, Viễn Thông.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **4- KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (60520216):**

- **Ngành đúng:** Đại học hệ chính quy ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa, Điều khiển Tự động, Tự động hóa, sinh viên tốt nghiệp chương trình Kỹ sư Tài năng, Kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa.
- **Ngành gần:** Đại học hệ không chính quy ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa, Điều khiển Tự động, Tự động hóa, Kỹ thuật cơ điện tử và những ngành.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học dưới 4,5 năm, ngành gần.

## **5- QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG (60340416):**

- **Ngành đúng:**
- **Ngành gần:**
  - + Khối ngành Kỹ thuật Điện, Điện tử, Viễn thông gồm: Kỹ thuật điện – Điện tử, Hệ thống điện, Hệ thống năng lượng, Điện năng (1).
  - + Khối ngành Kỹ thuật Cơ khí, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật Nhiệt (2).

Các môn học bổ túc kiến thức gồm:

TT	Tên môn	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Nhiệt động lực kỹ thuật và truyền nhiệt	3	Tốt nghiệp khối ngành (2) được miễn
2	Cơ sở năng lượng điện	3	Tốt nghiệp khối ngành (1) được miễn
3	Các phương pháp phân tích định lượng	3	
4	Kế toán đại cương	3	
5	Quản trị đại cương	3	

## IX- KHOA QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

### 1- QUẢN TRỊ KINH DOANH (60340102):

- **Ngành đúng:** Ngành Kinh doanh và ngành Quản trị - Quản lý.
- **Ngành gần:** Ngành còn lại thuộc nhóm Kinh doanh và Quản lý
- **Ngành khác:** Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học khác ngành Kinh doanh và Quản lý, ngoài hai điều kiện trên, cần có phải học bổ túc kiến thức các môn sau trước khi dự thi:

TT	Môn học chuyển đổi	Tín chỉ	Số tiết
1	Kế toán đại cương	3	45
2	Kinh tế học	3	60
3	Tiếp thị cơ bản	3	45
4	Quản trị đại cương	3	45
5	Các phương pháp phân tích định lượng	3	45
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>240</b>

- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho mọi đối tượng đạt yêu cầu đầu vào tuyển sinh cao học.

## X- KHOA KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT & DẦU KHÍ

### 1-KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT (60520501):

- **Ngành đúng:** Địa kỹ thuật, Địa chất môi trường, Địa chất khoáng sản, Địa chất công trình, Địa chất thủy văn.
- **Ngành gần:** Khoan và khai thác dầu khí, Địa chất dầu khí, Công nghệ mỏ, Địa vật lý, Kỹ thuật xây dựng, Cảng công trình biển, Kỹ thuật và quản lý môi trường, Địa lý tài nguyên môi trường, Khai thác và bảo vệ tài nguyên môi trường.
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **2-KỸ THUẬT DẦU KHÍ (60520604):**

- **Ngành đúng:** Địa chất dầu khí, Địa vật lý dầu khí, Công nghệ mỏ dầu khí, Công nghệ khoan dầu khí, Công nghệ khai thác dầu khí.
- **Ngành gần:** Địa vật lý, Khoa học về trái đất, Vật lý địa cầu, Thiết bị và công trình dầu khí, Tìm kiếm thăm dò, Kỹ thuật địa chất phải học các môn bổ túc kiến thức sau:

TT	MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC	SỐ TIẾT
1	Địa chất cơ sở	45
2	Địa chất dầu khí	45
3	Công nghệ mỏ dầu khí	45
4	Địa vật lý đại cương	45
5	Cơ sở kỹ thuật dầu khí	45

- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

## **XI- KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG**

### **1- KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC (60520116):**

- **Ngành đúng:** Kỹ thuật ô tô – máy động lực, Công nghệ kỹ thuật ô tô , Cơ khí ô tô, Sư phạm kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành Động lực), Kỹ thuật Tàu thủy.
- **Ngành gần:** Cơ khí giao thông, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Công thôn, Kỹ thuật hàng không
- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học 4 năm, ngành gần.

### **2- KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG (60520110):**

- **Ngành đúng:** Kỹ sư tốt nghiệp chính quy ngành Kỹ thuật Hàng Không và Kỹ thuật Không gian từ các Trường, Viện trong nước cũng như nước ngoài.
- **Ngành gần:** Kỹ sư tốt nghiệp chính quy ngành Kỹ thuật Giao Thông (không thuộc chuyên ngành Kỹ thuật Hàng Không), Cơ khí, Cơ học Ứng dụng, ... từ các Trường, Viện đào tạo về kỹ thuật và công nghệ phải học các môn bổ túc kiến thức sau:

TT	MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC	SỐ TIẾT
1	Khí động lực học	60
2	Động cơ và lực đẩy máy bay	45
3	Kết cấu và vật liệu hàng không	45
4	Cơ học bay	60

- **Chương trình đào tạo 2 năm** dành cho học viên đã tốt nghiệp đại học đúng ngành có chương trình đào tạo đại học **4** năm, ngành gần.